

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Thanh	Thành viên
Ông Ninh Duy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022)
Bà Bùi Thị Thúy Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Duy Thập	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Thập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Kim Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Thanh Hải - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Đỗ Thanh Hải đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Khánh ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 04/UQ-CTN1 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số: 065 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 - Tài sản cố định hữu hình, Công ty đã ghi nhận một phần tài sản cố định hữu hình của Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên với nguyên giá khoảng 699 tỷ đồng và khấu hao lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoảng 61 tỷ đồng. Trong năm 2022, Công ty đã dừng trích khấu hao với các tài sản của Dự án, đồng thời ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh khoản chênh lệch thu chi từ hoạt động của Dự án theo phương án hoàn trả của Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thông qua. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về cơ sở và giá trị tài sản cố định đã ghi nhận trên báo cáo tài chính, khấu hao lũy kế đã trích đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, nên chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trên Tài khoản Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có số dư 4.918.791.883 VND, theo Công ty đây là lãi vay cho công trình “Lắp đặt hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Thăng long Vĩnh Phúc”. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư này, nên chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hay không.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về cơ sở hạch toán tăng tài sản cố định hữu hình - Nhà máy nước Yên Lạc từ các năm trước, với giá trị 12.430.000.000 VND, tương ứng với khoản phải trả khác dài hạn. Từ năm 2021 về trước, Công ty chưa trích chi phí khấu hao của Nhà máy nước Yên Lạc trong báo cáo tài chính, Công ty bắt đầu khấu hao từ năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến nguyên giá tài sản cố định hữu hình, khấu hao lũy kế, phải trả khác dài hạn và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hay không.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về cơ sở hạch toán tăng tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao từ năm 2022 là Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên, với giá trị 23.022.127.184 VND, tương ứng với khoản phải trả khác dài hạn. Công trình này đã được chủ đầu tư - Sở Xây dựng Vĩnh Phúc nghiệm thu và bàn giao cho Công ty sử dụng từ tháng 09 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến nguyên giá tài sản cố định hữu hình, khấu hao lũy kế, phải trả khác dài hạn và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2023

A blue ink signature of Vũ Mạnh Hùng.

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.368.777.195	99.719.635.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.014.027.594	24.448.502.990
1. Tiền	111	4	24.014.027.594	24.448.502.990
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.150.784.540	41.167.933.712
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	66.150.784.540	41.167.933.712
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.235.274.946	19.310.386.617
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.728.273.984	16.648.320.213
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.071.745.215	2.082.992.124
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.577.782.379	579.074.280
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(142.526.632)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	14.168.506.938	13.688.723.477
1. Hàng tồn kho	141		14.168.506.938	13.688.723.477
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.800.183.177	1.104.088.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.259.217.349	1.047.992.710
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.340.036.100	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	10	200.929.728	56.095.759
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		871.481.323.922	828.994.097.498
I. Tài sản cố định	220		791.570.144.960	763.421.298.210
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	790.698.345.321	763.325.716.209
- Nguyên giá	222		1.136.684.437.650	1.085.748.978.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.986.092.329)	(322.423.262.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	871.799.639	95.582.001
- Nguyên giá	228		1.666.240.626	640.014.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(794.440.987)	(544.431.999)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		35.059.897.980	24.787.155.058
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	35.059.897.980	24.787.155.058
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	19.000.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.000.000.000	19.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		25.851.280.982	21.785.644.230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	25.851.280.982	21.785.644.230
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		999.850.101.117	928.713.732.763

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		876.965.718.702	809.300.332.829
I. Nợ ngắn hạn	310		81.839.059.137	35.627.436.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.385.857.853	5.753.415.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	3.225.562.365	6.194.148.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	3.324.701.829	1.359.827.548
4. Phải trả người lao động	314		7.925.984.624	6.893.975.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	30.314.626.165	218.716.800
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.038.194.641	1.955.350.913
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	14.126.800.070	9.304.783.937
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.427.456.135	1.980.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.069.875.455	1.967.218.169
II. Nợ dài hạn	330		795.126.659.565	773.672.895.933
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	758.051.535.531	734.271.777.122
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	37.075.124.034	39.401.118.811
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.884.382.415	119.413.399.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	122.884.382.415	119.413.399.934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.686.760.000	111.686.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.686.760.000	111.686.760.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.480.274	118.480.274
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.286.646.062	1.286.646.062
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.173.688.854	5.702.706.373
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.142.651	59.761
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.169.546.203	5.702.646.612
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		618.807.225	618.807.225
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		999.850.101.117	928.713.732.763



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	205.656.782.817	184.639.015.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		205.656.782.817	184.639.015.344
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	152.817.488.778	145.327.511.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		52.839.294.039	39.311.503.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.584.296.012	2.520.000.968
7. Chi phí tài chính	22	25	3.474.435.916	2.124.513.352
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	2.948.932.512	2.124.119.602
8. Chi phí bán hàng	25	26	16.482.508.903	14.319.110.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.204.976.620	20.313.746.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.261.668.612	5.074.134.443
11. Thu nhập khác	31	27	1.446.643.581	1.954.726.639
12. Chi phí khác	32	28	387.833.378	244.445.604
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.058.810.203	1.710.281.035
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.320.478.815	6.784.415.478
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.150.932.612	1.081.768.866
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		9.169.546.203	5.702.646.612
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	821	255



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.320.478.815	6.784.415.478
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	23.863.838.636	49.652.762.612
- Các khoản dự phòng	03	142.526.632	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	431.876.703	(234.611.148)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.506.524.685)	(2.380.388.360)
- Chi phí lãi vay	06	2.948.932.512	2.124.119.602
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.201.128.613	55.946.298.184
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.672.029.232)	424.671.371
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(479.783.461)	(17.087.874.209)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.094.032.585	14.542.032.655
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.276.861.391)	(9.082.888.748)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.993.510.647)	(2.055.402.802)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(313.429.932)	(850.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.747.342.714)	(2.457.982.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.812.203.821	39.378.853.913
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(29.985.934.005)	(2.801.763.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	717.442.727
3. Tiền chi cho vay	23	(24.000.000.000)	(29.167.933.712)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	94.998.540
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.523.673.857	2.285.389.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(51.462.260.148)	(28.871.865.807)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.848.620.472	892.304.772
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.784.475.819)	(8.057.256.923)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.848.563.722)	(2.412.416.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(784.419.069)	(9.577.368.461)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(434.475.396)	929.619.645
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.448.502.990	23.518.883.345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	24.014.027.594	24.448.502.990



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 03 tháng 08 năm 2009 và thay đổi lần thứ năm ngày 15 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 111.686.760.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 243 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 238 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch; Quản lý, khai thác và xử lý chất thải đô thị; Tư vấn thiết kế công trình cấp thoát nước; Xây lắp công trình cấp thoát nước, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp thoát nước; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường dây điện đến 35kV và trạm biến áp đến 560kVA; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước, điện và xây dựng; Sản xuất và mua bán nước lọc tinh khiết đóng chai; Kinh doanh dịch vụ và khách sạn, nhà hàng, du lịch thương mại; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển; Cho thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng, kho bãi.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn/dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại liên kết.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, không tiếp tục sử dụng và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 32
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Phần mềm máy tính	03
-------------------	----

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo chính sách kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Cổ đông chi phối
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.165.450.541	657.472.421
Tiền gửi ngân hàng	22.848.577.053	23.791.030.569
Cộng	24.014.027.594	24.448.502.990

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng dùng nước</i>	16.588.177.266	15.701.539.512
Công ty TNHH BHFlex Vina	2.551.562.209	2.257.024.202
Công ty TNHH Partron Vina	198.675.033	466.564.776
Công ty TNHH InterFlex Vina	779.766.506	874.123.091
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	298.941.796	375.817.229
Bà Lâm Thị Việt Hoa	1.361.831.621	-
Các đối tượng khác	11.397.400.101	11.728.010.214
<i>Phải thu của khách hàng lắp đặt và dịch vụ khác</i>	2.140.096.718	946.780.701
Trong đó, phải thu bên liên quan	436.389.035	359.301.800
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc</i>	436.389.035	359.301.800
UBND xã Thiện Kế	958.063.000	-
Các đối tượng khác	745.644.683	587.478.901
Cộng	18.728.273.984	16.648.320.213

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	390.092.000	217.692.000
Ký quỹ, ký cược	118.488.000	118.488.000
Hỗ trợ khách hàng giảm tiền nước theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	781.078.880	-
Phải thu khác	288.123.499	242.894.280
Cộng	1.577.782.379	579.074.280

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.588.970.181	-	9.020.340.506	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	579.536.757	-	4.668.382.971	-
Cộng	14.168.506.938	-	13.688.723.477	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	419.176.688	77.239.082
Chi phí hóa chất, xử lý nước	408.909.688	602.511.956
Chi phí khác	431.130.973	368.241.672
Cộng	<u>1.259.217.349</u>	<u>1.047.992.710</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	167.533.422	40.059.849
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	9.265.145.229	2.926.493.847
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ (i)	15.380.348.452	14.658.662.325
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.038.253.879	4.160.428.209
Cộng	<u>25.851.280.982</u>	<u>21.785.644.230</u>

Ghi chú:

- (i) Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ là chi phí phát sinh theo thực tế sử dụng của khách hàng, Công ty đánh giá các đồng hồ này thường được sử dụng hiệu quả trong vòng 3 năm, theo đó Công ty đang phân bổ chi phí này theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp/thu</u>	<u>Số đã thực nộp/thu</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế GTGT	160.713	2.604.818.268	2.556.375.977	48.603.004
Thuế thu nhập cá nhân	200.769.015	963.946.297	1.157.222.557	7.492.755
Cộng	<u>200.929.728</u>	<u>3.568.764.565</u>	<u>3.713.598.534</u>	<u>56.095.759</u>
b) Các khoản phải nộp				
Thuế tài nguyên	148.186.990	1.758.212.990	1.745.192.049	135.166.049
Thuế TNDN	2.150.932.612	2.150.932.612	313.429.932	313.429.932
Tiền thuế đất	-	28.235.712	28.235.712	-
Các loại thuế khác	1.025.582.227	10.426.741.869	10.312.391.209	911.231.567
Cộng	<u>3.324.701.829</u>	<u>14.364.123.183</u>	<u>12.399.248.902</u>	<u>1.359.827.548</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC
Số 14 Lý Bôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Vinh Yên,
Tỉnh Vĩnh Phúc

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	291.835.781.895	233.233.527.739	556.853.417.929	3.826.251.327	1.085.748.978.890
- Mua trong năm	228.458.333	32.000.000	-	-	260.458.333
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.320.324.763	2.615.109.735	22.739.657.428	328.150.092	27.003.242.018
- Tặng do phân loại lại từ hàng tồn kho	-	-	-	42.000.000	42.000.000
- Tặng khác	3.637.150.955	723.800.000	19.319.807.454	-	23.680.758.409
- Giảm khác	-	-	-	(51.000.000)	(51.000.000)
Số dư cuối năm	297.021.715.946	236.604.437.474	598.912.882.811	4.145.401.419	1.136.684.437.650
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Số dư đầu năm	65.142.717.416	74.876.102.974	179.464.384.292	2.940.057.999	322.423.262.681
- Khấu hao trong năm	4.482.674.153	2.847.162.941	15.921.999.738	361.992.816	23.613.829.648
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(51.000.000)	(51.000.000)
Số dư cuối năm	69.625.391.569	77.723.265.915	195.386.384.030	3.251.050.815	345.986.092.329
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	226.693.064.479	158.357.424.765	377.389.033.637	886.193.328	763.325.716.209
Tại ngày cuối năm	227.396.324.377	158.881.171.559	403.526.498.781	894.350.604	790.698.345.321

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 174.400.543.522 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 151.966.111.761 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39.958.481.537 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 43.247.890.761 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC
Số 14 Lý Bôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Vinh Yên,
Tỉnh Vĩnh Phúc

MÃ SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Theo Biên bản giao dự án ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa Ban Quản lý dự án sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty, Công ty nhận bàn giao Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên. Dự án đã đã được Công ty đưa vào quản lý, sử dụng và vận hành khai thác từ năm 2018. Tổng giá trị tài sản bàn giao tạm tính theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2013 là 1.080.533 triệu VND.

Trong năm 2021 và các năm trước, Công ty đã ghi nhận một phần tài sản cố định hữu hình của Dự án trên với giá trị lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 699.153.948.347 VND.

Công ty đã thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định của dự án này cho một số hạng mục như sau:

Nội dung	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế đến ngày	Giá trị còn lại đến ngày
	VND	31/12/2021	31/12/2021
Các tài sản ghi tăng trong năm 2018			
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.517.683.000	5.444.131.140	9.073.551.860
Các tài sản ghi tăng trong năm 2019			
Nhà cửa, vật kiến trúc	157.156.327.439	40.386.888.162	116.769.439.277
Máy móc, thiết bị	22.283.798.000	10.496.505.789	11.787.292.211
Nhà cửa, vật kiến trúc	134.872.529.439	29.890.382.373	104.982.147.066
Máy móc, vật kiến trúc	527.479.937.908	15.328.357.716	512.151.580.192
Máy móc, thiết bị	176.738.172.516	2.379.632.253	174.358.540.263
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	48.431.040.292	7.910.213.376	40.520.826.916
	302.310.725.100	5.038.512.087	297.272.213.013
Tổng cộng	699.153.948.347	61.159.377.018	637.994.571.329

Theo Tờ trình số 2581 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề ra phương án hoàn trả đối với dự án kể trên, trong đó đề cập đến việc thu tiền trích khấu hao tài sản từ năm 2018 đến năm 2021 là 45 tỷ VND và có lịch trình thu tiền tăng dần trong các năm tiếp theo.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã có Văn bản số 9979/UBND-KT2 ngày 10 tháng 11 năm 2021 trả lời Sở Tài chính về phương án hoàn trả vốn vay Dự án này, Ủy ban Nhân dân tỉnh đồng ý về nguyên tắc, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành để đưa ra phương án thích hợp.

Trong năm 2022, Công ty không tiếp tục ghi tăng giá trị các tài sản của Dự án, dùng trích khấu hao, đồng thời thực hiện ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh khoản chênh lệch thu chi từ hoạt động khai thác tài sản của Dự án phải nộp Ủy ban Nhân dân tỉnh với số tiền 26.191 triệu VND (như trình tại Thuyết minh số 17 - Chi phí phải trả ngắn hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	640.014.000	640.014.000
- Mua trong năm	927.226.626	927.226.626
- Tăng khác	99.000.000	99.000.000
Số dư cuối năm	<u>1.666.240.626</u>	<u>1.666.240.626</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	544.431.999	544.431.999
- Khấu hao trong năm	250.008.988	250.008.988
Số dư cuối năm	<u>794.440.987</u>	<u>794.440.987</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>95.582.001</u>	<u>95.582.001</u>
Tại ngày cuối năm	<u>871.799.639</u>	<u>871.799.639</u>

Giá trị tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 527.264.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 357.264.000 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hệ thống cấp nước KCN Thăng Long - Vĩnh Phúc	4.947.715.003	4.947.715.003
Hệ thống cấp nước KCN Thăng Long - Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2 (i)	13.383.860.283	-
Hệ thống cấp nước từ khu đô thị chùa Hà Tiên đến vòng xuyên Hợp Châu - Đồng Tỉnh	-	10.095.764.380
Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Đồng Ích - Tiên Lữ	1.539.190.947	1.539.190.947
Hệ thống cấp nước cho xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên	1.912.457.517	1.912.457.517
Thay thế các tuyến ống cấp 3 khu vực Vĩnh yên	3.996.422.479	-
Các công trình khác	9.280.251.751	6.292.027.211
Cộng	<u>35.059.897.980</u>	<u>24.787.155.058</u>

Ghi chú:

- (i) Công ty đang thực hiện thế chấp các tài sản hình thành trong tương lai của dự án “Hệ thống cấp nước KCN Thăng Long - Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2” để đảm bảo cho các khoản vay - chi tiết tại Thuyết minh số 19 - Vay và nợ thuê tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-
Cộng	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-

Ghi chú:

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có vốn điều lệ 65.000.000.000 VND - thực hiện dự án cấp nước cho Khu công nghiệp Tam Dương, Công ty góp là 29,23% vốn điều lệ. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có lãi và có lãi lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Giao dịch chủ yếu với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc (xem Thuyết minh số 32).

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Không phải bên liên quan	12.385.857.853	12.385.857.853	2.423.850.285	2.423.850.285
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	2.539.984.800	2.539.984.800	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ thiết bị đo và hệ thống điều khiển	1.856.370.000	1.856.370.000	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp chuyên ngành	1.057.652.640	1.057.652.640	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Thăng Long	-	-	417.230.000	417.230.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường phát Vĩnh Phúc	475.181.129	475.181.129	345.333.781	345.333.781
Công ty Cổ phần Cúc Phương	-	-	94.500.794	94.500.794
Các đối tượng khác	6.456.669.284	6.456.669.284	1.566.785.710	1.566.785.710
b) Bên liên quan	-	-	3.329.564.935	3.329.564.935
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc	-	-	3.329.564.935	3.329.564.935
Cộng	12.385.857.853	12.385.857.853	5.753.415.220	5.753.415.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hoàng Gia	22.330.000	2.608.285.600
Ban Điều hành dự án công trình giao thông Vĩnh Phúc	1.041.930.639	1.041.930.639
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng huyện Lập Thạch	70.000.000	554.203.000
Các đối tượng khác	2.091.301.726	1.989.729.670
Cộng	3.225.562.365	6.194.148.909

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí khai thác, sử dụng vận hành tài sản Dự án CP2 (i)	27.683.125.000	-
Trích trước lãi vay	174.138.665	218.716.800
Tiền thưởng 6 tháng cuối năm 2022	2.082.362.500	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	375.000.000	-
Cộng	30.314.626.165	218.716.800

Ghi chú:

- (i) Phản ánh khoản phải trả Ủy ban Nhân dân tỉnh liên quan đến việc khai thác, sử dụng vận hành tài sản thuộc Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên theo Công văn số 9979/UBND - KT2 ngày 10 tháng 11 năm 2021 phê duyệt phương án hoàn trả vốn vay Dự án mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên. Theo đó, từ năm 2022 đến năm 2036, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách chênh lệch thu chi từ hoạt động khai thác tài sản của Dự án, trong đó Công ty xác định số phải nộp của năm 2022 là 27.683.125.000 VND.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản phải trả khác	1.279.620.412	1.331.469.405
Đặt cọc, ký quỹ	758.574.229	623.881.508
Cộng	2.038.194.641	1.955.350.913
b) Dài hạn là bên liên quan		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:	758.051.535.531	734.271.777.122
- Công trình nhà máy Nước Yên Lạc (i)	12.430.000.000	11.672.368.775
- Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến khu danh thắng Tây Thiên (i)	23.022.127.184	-
- Công trình hệ thống cấp nước xã Vân Hội (i)	6.445.460.000	6.445.460.000
- Công trình mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên (i)	699.153.948.347	699.153.948.347
- Công trình hệ thống cấp nước xã Thanh Trù (ii)	17.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	758.051.535.531	734.271.777.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Đây là giá trị tài sản cố định hữu hình đã được Công ty hạch toán, tiếp nhận, khai thác và vận hành theo quyết định giao của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bao gồm:

- Công trình Nhà máy Nước Yên Lạc đã được ghi tăng tài sản cố định hữu hình, hiện tại hồ sơ quyết toán của Công trình này đang được trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến khu Danh thắng Tây Thiên đã được ghi tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình năm 2022, giá trị tài sản được ghi nhận theo phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Ủy ban Nhân dân tỉnh năm 2019 và điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước năm 2021.
- Công trình Hệ thống cấp nước sạch xã Vân Hội: Đây là khoản vốn Công ty nhận được từ Ủy ban Nhân dân tỉnh để đầu tư công trình.

Công ty chưa nhận được văn bản từ cơ quan có thẩm quyền về phương án hoàn trả giá trị công trình và khoản vốn nhận được của các công trình nêu trên.

- Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên, giá trị đã hạch toán tăng tài sản là 699.153.948.347 VND (xem thêm Thuyết minh số 11).
- (ii) Công trình Hệ thống cấp nước xã Thanh Trù: Đây là khoản vốn Công ty nhận được từ Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh Yên để đầu tư công trình. Theo Quyết định số 2399 ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh Yên về việc phê duyệt phương án hoàn trả mức vốn hình thành tài sản cố định đối với hỗ trợ từ Ngân sách Thành phố, theo đó khoản vốn nhận được này bắt đầu hoàn trả từ năm 2036 đến năm 2050.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC
Số 14 Lý Bôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Vinh Yên,
Tỉnh Vinh Phúc

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	14.126.800.070	14.126.800.070	15.526.800.070	10.704.783.937	9.304.783.937	9.304.783.937
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (i)	6.599.658.035	6.599.658.035	6.599.658.035	6.397.641.902	6.397.641.902	6.397.641.902
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Vinh Phúc (ii)	1.307.142.035	1.307.142.035	1.307.142.035	1.307.142.035	1.307.142.035	1.307.142.035
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vinh Phúc (iii)	5.420.000.000	5.420.000.000	6.820.000.000	2.800.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh Phúc (iv)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
b) Vay dài hạn	37.075.124.034	37.075.124.034	13.280.497.175	15.606.491.952	39.401.118.811	39.401.118.811
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (i)	6.599.132.936	6.599.132.936	525.503.404	6.679.349.917	12.752.979.449	12.752.979.449
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Vinh Phúc (ii)	10.980.333.342	10.980.333.342	340.216	1.307.142.035	12.287.135.161	12.287.135.161
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vinh Phúc (iii)	14.629.905.277	14.629.905.277	12.754.653.555	6.820.000.000	8.695.251.722	8.695.251.722
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh Phúc (iv)	4.865.752.479	4.865.752.479	-	800.000.000	5.665.752.479	5.665.752.479

Ghi chú:

- (i) Vay dài hạn nguồn vốn ODA Đan Mạch của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, với lãi suất 2%/năm, thời hạn trả nợ đến năm 2024, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay ODA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện dự án “Đầu tư Hệ thống cấp nước sạch xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên” với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay cố định là 9,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án “Đầu tư Hệ thống cấp nước sạch xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên”.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo:
 - Hợp đồng vay để thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước Dn400 cho KCN Thăng Long”, lãi suất vay cố định là 9,7%/năm trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó thực hiện theo lãi suất thả nổi theo thị trường và được điều chỉnh tối đa 6 tháng/1 lần. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Tuyến ống cấp nước Dn400 cho KCN Thăng Long”.
 - Hợp đồng vay để đầu tư dự án “Hệ thống cấp nước cho KCN Thăng Long Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2”, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm (được áp dụng trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó áp dụng lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Hệ thống cấp nước cho KCN Thăng Long Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2”.
 - Hợp đồng vay để đầu tư dự án “Đường ống cấp nước Dn400 từ ngã tư Gia Khánh đến KCN Bá Thiện I”, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm (được áp dụng trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó áp dụng lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Đường ống cấp nước Dn400 từ ngã tư Gia Khánh đến KCN Bá Thiện I”.
- (iv) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc để thực hiện dự án “Đầu tư Đường ống cấp nước QL2B từ KĐT chùa Hà Tiên đến vòng xuyên Hợp Châu - Đồng Tĩnh” tại xã Định Trung, phường Liên Bảo thuộc thành phố Vinh Yên và xã Kim Long thuộc huyện Tam Dương, thị trấn Hợp Châu thuộc huyện Tam Đảo. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh, được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Đầu tư Đường ống cấp nước QL2B từ KĐT chùa Hà Tiên đến vòng xuyên Hợp Châu - Đồng Tĩnh” tại xã Định Trung, phường Liên Bảo thuộc thành phố Vinh Yên và xã Kim Long thuộc huyện Tam Dương, thị trấn Hợp Châu thuộc huyện Tam Đảo.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.126.800.070	9.304.783.937
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	30.528.177.485	30.190.513.399
Sau năm năm	6.546.946.549	9.210.605.412
	51.201.924.104	48.705.902.748
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	14.126.800.070	9.304.783.937
Số phải trả sau 12 tháng	37.075.124.034	39.401.118.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XD CB	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	111.686.760.000	1.032.687.223	118.480.274	618.807.225	5.079.043.876	118.535.778.598
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.702.646.612	5.702.646.612
Trích quỹ	-	253.958.839	-	-	(2.666.567.805)	(2.412.608.966)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(2.412.416.310)	(2.412.416.310)
Số dư đầu năm nay	111.686.760.000	1.286.646.062	118.480.274	618.807.225	5.702.706.373	119.413.399.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.169.546.203	9.169.546.203
Trích quỹ (i)	-	-	-	-	(2.850.000.000)	(2.850.000.000)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(2.848.563.722)	(2.848.563.722)
Số dư cuối năm nay	111.686.760.000	1.286.646.062	118.480.274	618.807.225	9.173.688.854	122.884.382.415

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2021 với phương án như sau: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.850.000.000 VND và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 2.852.591.537 VND; trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phương án và chi trả cổ tức bằng tiền với số tiền 2.848.563.722 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19 tháng 01 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 111.686.760.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	108.057.760.000	96,75%	108.057.760.000	96,75%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.629.000.000	3,25%	3.629.000.000	3,25%
Cộng	111.686.760.000	100%	111.686.760.000	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	11.168.676
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	11.168.676

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	191.267.816.084	173.747.809.291
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	12.059.055.726	9.254.648.665
Doanh thu khác	2.329.911.007	1.636.557.388
Cộng	205.656.782.817	184.639.015.344

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	141.004.245.160	136.491.677.299
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	10.104.719.686	7.344.025.764
Giá vốn khác	1.708.523.932	1.491.808.557
Cộng	152.817.488.778	145.327.511.620

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.858.931.277	74.964.792.561
Chi phí nhân công	47.436.196.608	41.169.228.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.863.838.636	49.652.762.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài (i)	32.777.845.439	9.918.875.562
Chi phí khác bằng tiền	10.114.690.220	4.920.199.175
Cộng	190.051.502.180	180.625.858.603

Ghi chú:

- (i) Bao gồm 27,6 tỷ đồng chi phí khai thác, sử dụng vận hành tài sản thuộc Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên phải trả Ủy ban Nhân dân tỉnh (như trình bày tại Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.672.145.895	600.730.582
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.834.378.790	1.678.905.402
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	234.611.148
Doanh thu hoạt động tài chính khác	77.771.327	5.753.836
Cộng	3.584.296.012	2.520.000.968

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.948.932.512	2.124.119.602
Lỗ chênh lệch tỷ giá	525.503.404	-
Chi phí tài chính khác	-	393.750
Cộng	3.474.435.916	2.124.513.352

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	6.960.846.700	7.151.627.165
Chi phí vật liệu, bao bì	7.662.005.126	3.335.407.649
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	78.021.971	55.518.267
Chi phí khấu hao TSCĐ	609.247.788	456.819.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	551.313.972	3.271.613.715
Các khoản chi phí bán hàng khác	621.073.346	48.124.323
Cộng	16.482.508.903	14.319.110.449
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.150.905.280	14.121.293.816
Chi phí vật liệu quản lý	136.791.814	41.775.636
Chi phí đồ dùng văn phòng	336.627.878	369.016.049
Chi phí khấu hao TSCĐ	774.082.568	645.882.158
Thuế, phí và lệ phí	942.673.385	1.619.501.424
Chi phí dự phòng	1.020.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.535.765.045	980.707.669
Các khoản chi phí bằng tiền khác	4.308.130.650	2.535.569.696
Cộng	26.204.976.620	20.313.746.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
10% được hưởng từ thu phí bảo vệ môi trường	1.057.493.134	970.356.571
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	717.442.727
Vật tư thu hồi từ sửa chữa đường ống nước	310.283.360	140.660.260
Cho thuê nhà và tiền điện, nước	72.677.716	118.489.166
Các khoản khác	6.189.371	7.777.915
Cộng	1.446.643.581	1.954.726.639

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	41.485.552	42.542.142
Các khoản khác	346.347.826	201.903.462
Cộng	387.833.378	244.445.604

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.320.478.815	6.784.415.478
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	579.397.037	303.334.253
Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế (i)	(1.834.378.790)	(1.678.905.402)
Thu nhập tính thuế	10.065.497.062	5.408.844.329
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.013.099.412	1.081.768.866
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	137.833.200	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.150.932.612	1.081.768.866

Ghi chú:

- (i) Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế là khoản cổ tức Công ty được nhận trong năm.

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý như đã trình bày ở trên khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.169.546.203	5.702.646.612
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(2.850.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.169.546.203	2.852.646.612
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.168.676	11.168.676
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	821	255

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 với số tiền là 2.850.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được trình bày lại. Giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 trước trình bày lại là 272 VND/cổ phiếu.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 6, 15 và 18, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	43.970.320.549	43.845.863.699
Chi phí khai thác, sử dụng tài sản		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	27.683.125.000	-
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	734.733.140	326.638.000
Cổ tức được nhận		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	1.834.378.790	1.642.455.402
Chia cổ tức		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	2.759.903.248	2.334.029.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ông Đỗ Thanh Hải	736.396.000	708.173.234
Ông Nguyễn Văn Khánh	588.420.400	608.350.234
Bà Lê Thị Kim Thanh	499.324.500	549.434.534
Ông Ninh Duy Giang	286.842.900	269.268.700
Bà Bùi Thị Thúy Ngọc	521.214.600	555.392.134
Ông Trần Duy Thập	544.232.100	589.953.134
Ông Quách Việt Hùng	262.747.500	-
Ông Vũ Xuân Phương	245.720.000	-
Bà Nguyễn Thị Thúy	196.448.400	178.225.700
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	180.295.700	166.318.418

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ


Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản trong năm không bao gồm 7.399.991.692 VND, là các khoản nợ phải trả về mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản, vì vậy, một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải trả trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.




Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 3 năm 2023


Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

